

Bản án số: 78/2017/HSST

Ngày 28/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với T phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Long

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mười - Cán bộ nghỉ chế độ hưu trí.
2. Bà Hoàng Thị Trọng - Cán bộ nghỉ chế độ hưu trí

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh - Thư ký
Tòa án nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia
phiên tòa: Ông Chu Văn Hiện - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại Toà án nhân dân Huyện Đ, mở
phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 64/2017/HSST
ngày 09/11/2017 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Văn B – 08/9/1989**

Nơi sinh: Xã Y, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Trú tại: Xóm Q, xã Y, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp:
Làm ruộng; Học vấn: 3/12.

Bố đẻ: Đào Văn H1 - 1957; Mẹ đẻ: Hoàng Thị M – đã chết. Chưa có vợ
con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại bản án số 60/HSST ngày 21/7/2009 của TAND Huyện
Đ xử phạt Đào Văn B 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng
về tội “ Trộm cắp tài sản” .

Ngày 13/9/2017 Công an Huyện Đ xử phạt hành chính về hành vi Công
nhiên chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Đào Văn H – 1982.

Trú tại: Xóm Q, xã Y, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(Vắng mặt)

• **Người làm chứng:**

1. Đào Văn T – 1994. Trú tại: Xóm Q, xã Y, Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả xét hỏi tại phiên tòa thì nội dung vụ án như sau:

Sáng ngày 20/7/2017 Đào Văn B ngủ dậy thấy anh trai là Đào Văn H và em ruột là Đào Văn T đang dọn nhà để hôm sau giỗ mẹ. B hỏi anh H xin tiền để mua ma túy về sử dụng. Anh H không cho nên B đi lên nhà. Thấy chiếc điện thoại hiệu OPPO của anh H để trên đầu giường nên B nảy sinh ý định trộm cắp. B lấy chiếc điện thoại cho vào túi quần rồi đi ra ngoài. Thấy B bỏ đi ra ngoài rất nhanh nên anh H nghi ngờ và kiểm tra phát hiện bị mất điện thoại. Anh H đã đi tìm B nhưng không được. Sau khi lấy được điện thoại B bắt xe buýt xuống ngã ba P1 thuộc xã P bán điện thoại cho Nguyễn Văn H với giá là 1.700.000đ sau đó thuê xe ôm đi mua ma túy về sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. Sáng ngày 22/7/2017 anh H bảo B ở nhà trông nhà để anh H đi chợ. Khi chỉ còn một mình ở nhà B nảy sinh ý định tìm tài sản của anh H để trộm cắp. B lên nhà chính thấy có chiếc hòm gỗ được khóa bằng khóa Việt – Tiệp. B đã lấy 01 thanh sắt dài khoảng 40 cm để cạy khóa. Sau khi cạy khóa thấy trong hòm có túi ni lông đựng khoảng 5 đến 6 triệu đồng. B lấy 04 tờ tiền mệnh giá 500.000đ cho vào túi quần rồi bắt xe buýt xuống Thái Nguyên mua ma túy để sử dụng.

Do nhiều lần bị trộm cắp tài sản nên anh H đã làm đơn trình báo đề nghị Công an Huyện Đ xử lý B theo pháp luật.

Tại kết luận định giá số 36 ngày 13/8/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự kết luận chiếc điện thoại hiệu OPPO do B trộm cắp có giá là 3.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 66/KSĐT-KT ngày 06/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Đào Văn B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố đề nghị HĐXX tuyên bố: Đào Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999, NQ 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử phạt:

Đào Văn B : 15 đến 18 tháng tù.

Bị cáo B không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về căn cứ buộc tội.

Bị cáo B khai: Sáng ngày 20/7/2017 bị cáo ngủ dậy thấy anh trai là H đang dọn nhà bị cáo có hỏi xin tiền để đi mua ma túy về sử dụng. Không được anh trai cho tiền nên bị cáo đi lên nhà trên. Phát hiện tại đầu giường có chiếc điện thoại hiệu OPPO của anh H để ở đó. Bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy. Bị cáo đến lấy điện thoại cho vào túi quần và đi ra khỏi nhà. Sau đó bị cáo bắt xe buýt xuống xã P bán chiếc điện thoại cho anh H được 1.700.000đ. Số tiền trên bị cáo mua ma túy và chi tiêu cá nhân hết. Sáng ngày 22/7/2017 anh H bảo bị cáo ở nhà trông nhà. Khi ở nhà một mình bị cáo lên nhà trên thấy có chiếc hòm gỗ có khóa bằng khóa Việp – Tiệp. Bị cáo xuống bếp lấy thanh sắt dài khoảng 40 cm làm dụng cụ phá khóa. Phát hiện trong hòm có tiền bị cáo đã lấy số tiền là 2.000.000đ cho vào túi quần và bắt xe khách xuống Thái Nguyên mua ma túy để sử dụng.

Người bị hại khai: Tôi và B là anh em ở chung một nhà. Sáng ngày 20/7/2017 tôi cùng em tôi là T đang dọn dẹp nhà của thì B có hỏi xin tiền tôi nhưng tôi không cho. Sau đó B đi ra khỏi nhà có dấu hiệu vội vàng nên tôi lên nhà kiểm tra thì phát hiện mất chiếc điện thoại hiệu OPPO. Biết là B lấy nên tôi đi tìm B nhưng không thấy. Đến sáng ngày 22/7/2017 B lại phá khóa hòm của gia đình tôi lấy số tiền là 2.000.000đ để đi mua ma túy. Do bị trộm cắp nhiều lần nên tôi đã làm đơn trình báo. Nay số tài sản và tiền B trộm cắp của tôi, tôi không yêu cầu bồi thường.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định giá chiếc điện thoại OPPO là 3.000.000đ.

Như vậy, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và kết luận định giá. Hành vi lén lút lấy số tiền 2.000.000đ và chiếc điện thoại trị giá 3.000.000đ của Đào Văn B đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” phạm vào khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Tại khoản 1 Điều 138 của BLHS quy định:

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt mà điều luật quy định.

{2} Về tính chất của hành vi:

Xét tính chất hành vi của bị cáo là ít nghiêm trọng. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà trong vụ án này là anh Đào Văn H. Hành vi đó còn làm mất trật tự công cộng.

{3}. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Xét tình tiết tăng nặng TNHS thì thấy: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng đó là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS.

Xét tình tiết giảm nhẹ TNHS thì thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu. Năm 2009 đã bị xử phạt tù cho hưởng án treo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học. Bị cáo tiếp tục mắc phải tệ nạn xã hội, đua đòi nghiện ma túy. Đây cũng là tình tiết cần xem xét khi nghị án.

{4}. Về hình phạt:

Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo thì cần lên cho bị cáo mức án từ 15 đến 18 tháng tù và buộc cách ly xã hội một thời gian là phù hợp.

{5}. Về dân sự: Trong quá trình điều tra người bị hại không yêu cầu bồi thường nên HĐXX không xem xét.

{6}. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định để sung công quỹ nhà nước.

Liên quan trong vụ án này, theo lời khai của B là B bán chiếc điện thoại cho Nguyễn Văn H ở xã P nhưng H không thừa nhận. Ngoài lời khai của B không còn chứng cứ nào khác, Do vậy không có cơ sở để xem xét, xử lý. Người xe ôm mua ma túy cho B không có tên, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý. Hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của B được Công an Huyện Đ xử lý hành chính.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Đào Văn B phạm tội “ Trộm cắp tài sản ”.

***Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Xử phạt:

Đào Văn B: 15 tháng tù. Thời hạn thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 BLTTHS, Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo B phải chịu 200.000 đ án phí HSST sung công.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an Hện Đ;(3b)
- VKSND Hện Đ;(2b)
- Chi cục THADS Đ + THAHS;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Đức Long